

Số: 781/QĐ-UBND

Đại Sơn, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân
trên địa bàn xã Đại Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 252/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 228/TTr-KT ngày 21/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Đại Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Trưởng các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy xã (để báo cáo);
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đào Văn Soái

QUY CHẾ
Xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Đại Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 27 /7/2026
của UBND xã Đại Sơn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về các hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) trên địa bàn xã Đại Sơn.

b) Những nội dung khác về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2016/NĐ-CP), Quyết định số 252/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Đại Sơn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nghĩa trang nhân dân là nơi an táng người chết tập trung theo các hình thức an táng khác nhau, thuộc các đối tượng khác nhau, được UBND xã quy hoạch, xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phần mộ cá nhân là nơi táng thi hài, hài cốt của người chết.

3. Táng là thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt, tro cốt của người chết.

4. Hung táng có hai hình thức:

- Thứ nhất: Là hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ được cải táng.

- Thứ hai: Là hình thức mai táng thi hài sẽ không cải táng.

5. Cải táng là việc chuyển xương cốt từ mộ hung táng sang hình thức táng khác.

6. Cát táng là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải táng hoặc lưu tro cốt sau khi hỏa táng.

7. Dịch vụ Nghĩa trang nhân dân bao gồm: Tổ chức mai táng thi hài, hài cốt phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm, các dịch vụ vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ cây xanh... trong khuôn viên Nghĩa trang nhân dân.

8. Quản lý Nghĩa trang nhân dân là việc thực hiện các nội dung theo quy chế quản lý đã được phê duyệt.

9. Người sử dụng dịch vụ Nghĩa trang nhân dân là người đang sống có quan hệ với người được táng trong Nghĩa trang nhân dân hoặc đến thăm viếng, tưởng niệm.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân

1. Tất cả các nghĩa trang phải được quy hoạch. Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng nghĩa trang đảm bảo theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

2. Khuyến khích đầu tư xây dựng nghĩa trang phục vụ cho nhiều thôn, sử dụng hình thức táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm tối đa đất, kinh phí xây dựng và đảm bảo yêu cầu môi trường và cảnh quan xung quanh. Chủ đầu tư xây dựng nghĩa trang có trách nhiệm quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý đất nghĩa trang tuân thủ theo pháp luật về đất đai, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường.

5. Việc mai táng, cát táng người chết phải được thực hiện trong các nghĩa trang. Không được mai táng, cát táng người chết ngoài khu vực nghĩa trang, trừ trường hợp được chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

6. Việc mai táng, cát táng người chết trong các nghĩa trang phải phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, nếp sống văn minh hiện đại phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, gia đình, chống lãng phí đất.

7. Đảm bảo vệ sinh xung quanh ngôi mộ khi hoàn thiện việc xây dựng, sửa chữa. Vật liệu đất đào huyệt dư thừa được thu gom, gọn gàng và tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, vệ sinh, môi trường.

8. Khuyến khích hình thức hỏa táng, lưu giữ tro cốt nhằm tiết kiệm quỹ đất. Từ năm 2025, hỏa táng là giải pháp ưu tiên hàng đầu tại các thôn đã cạn kiệt quỹ đất.

9. Các nguyên tắc khác thực hiện theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành khác.

Điều 4. Các hành vi nghiêm cấm

1. Xây dựng mộ, bia mộ và các công trình trong Nghĩa trang nhân dân không

đúng theo quy định, không được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Phá hoại các công trình xây dựng trong nghĩa trang nhân dân.
3. Xâm phạm khu vực xây dựng, phần mộ của gia đình, dòng họ khác.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi hoặc gây khó khăn cho người có nhu cầu sử dụng Nghĩa trang nhân dân.
5. Cung cấp thông tin không trung thực làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ nghĩa trang.
6. Thu phí, lệ phí, thực hiện kinh doanh các dịch vụ Nghĩa trang nhân dân trái với các quy định hiện hành của pháp luật.
7. An táng, cát táng người chết ngoài phạm vi quy hoạch các Nghĩa trang nhân dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
8. Đăng ký trước phần mộ cho người còn sống trừ trường hợp quy định tại Điều 9 tại Quy chế này; cá nhân, hộ gia đình xây dựng mộ không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền.
9. Bao chiếm đất nghĩa trang, lấn chiếm đất dành cho đường giao thông, lối đi trong nghĩa trang.
10. Mua bán, chuyển nhượng đất trong nghĩa trang dưới mọi hình thức.
11. Những hành vi trái pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân công quản lý Nghĩa trang nhân dân

1. Ủy ban nhân dân xã quản lý Nhà nước về Nghĩa trang nhân dân trên toàn địa bàn xã.
2. Trưởng thôn, Ban quản trang thực hiện quản lý Nghĩa trang nhân dân của thôn theo sự phân công của UBND xã.

Chương II

QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, CẢI TẠO VÀ ĐÓNG CỬA NGHĨA TRANG NHÂN DÂN

Điều 6. Xây dựng, mở rộng, cải tạo nghĩa trang nhân dân

1. Mọi hoạt động xây dựng mới, mở rộng, cải tạo nghĩa trang phải thực hiện đúng các quy định của Luật Xây dựng, QCVN 07-10:2023/BXD, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định tại Điều này.
2. Kiến trúc mộ bao gồm phần mộ, nơi thắp hương, bia mộ. Hình thức mộ, bia mộ, hàng rào trong các khu mộ, hướng mộ của nghĩa trang phải được xây dựng thống nhất theo thiết kế trong dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt và phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương.

3. Nghĩa trang được chia thành các khu/lô mộ; các khu/lô mộ được giới hạn bởi các đường đi bộ; trong mỗi khu/lô mộ được chia ra thành các nhóm mộ; trong mỗi nhóm mộ hoặc lô mộ có các hàng mộ. Các biển, bảng hướng dẫn người đi thăm mộ phải bố trí tại mỗi nhóm mộ, lô mộ.

4. Kích thước mộ và huyệt mộ; chiều rộng lối đi trong nghĩa trang phải tuân theo quy hoạch được phê duyệt; kích thước tối đa, kích thước tối thiểu được quy định tại QCVN 07-10:2023/BXD và quy định của UBND thành phố, cụ thể:

4.1. Kích thước phần mộ quy định chuẩn (Áp dụng tiêu chuẩn QCVN 07-10:2023/BXD):

a) Mộ cát táng, hỏa táng: Kích thước sử dụng đất không quá 1,5m²/mộ (Dài tối đa 1,5m; Rộng tối đa 1,0m). Chiều cao không quá 1,5m được tính từ mặt đất cốt +0 đến đỉnh phần mộ.

b) Mộ hung táng/chôn 1 lần: Kích thước sử dụng đất không quá 3m²/mộ (Dài tối đa 2,4m; Rộng tối đa 1,2m). Chiều cao không quá 1,9m được tính từ mặt đất cốt +0 đến đỉnh phần mộ.

4.2. Lối đi giữa 2 hàng mộ liên tiếp tối thiểu 0,8m - 1m; khoảng cách giữa 2 mộ cùng hàng tối thiểu 0,5m.

4.3. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây mới, tu bổ phần mộ trong nghĩa trang theo đúng quy định.

5. Việc xây mới, tu bổ phần mộ, bia mộ, trồng cây trong Nghĩa trang nhân dân phải được sự chấp thuận của Trưởng thôn (Ban quản trang) sau khi đã được UBND xã chấp thuận. Việc xây mới, tu bổ phần mộ và các công trình khác không được làm ảnh hưởng đến các phần mộ, công trình và cảnh quan chung của Nghĩa trang nhân dân.

6. Cải tạo nghĩa trang: Các nghĩa trang có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan, môi trường chưa phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành phù hợp với quy hoạch xây dựng thì UBND xã có thể cải tạo phù hợp tình hình thực tế.

Điều 7. Đóng cửa nghĩa trang

1. Các nghĩa trang phải đóng cửa khi không còn diện tích sử dụng, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng không có khả năng khắc phục và theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

2. Việc đóng cửa nghĩa trang cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân, Ban quản lý nghĩa trang có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã thông báo công khai Quyết định đóng cửa nghĩa trang cho nhân dân trên địa bàn quản lý.

4. Sau khi đóng cửa, tiến hành cải tạo, chỉnh trang lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mộ chí và các công trình trong nghĩa trang, trồng cây xanh, thảm cỏ trong và xung quanh nghĩa trang theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Điều 8. Di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ

1. Các nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ phải di chuyển khi:

a) Gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan nghiêm trọng không có khả năng khắc phục, ảnh hưởng đến môi trường sống của cộng đồng, không còn phù hợp với quy hoạch thành phố, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật về đất đai;

c) Mộ vô chủ hoặc không còn thân nhân chăm sóc.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định di chuyển nghĩa trang cấp xã và thông báo công khai di chuyển nghĩa trang và nghĩa trang được di chuyển tới.

3. Vốn dùng cho việc bồi thường giải phóng mặt bằng, di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nào thì được tính cho tổng mức đầu tư của các dự án đó.

4. Đối với các phần mộ không còn thân nhân chăm sóc, Ủy ban nhân dân cấp xã điều tra tìm hiểu, xác định lại thông tin về thân nhân và lập kế hoạch di dời các phần mộ này vào trong các nghĩa trang đã được quy hoạch và xây dựng theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân quản lý nghĩa trang có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai Quyết định di chuyển nghĩa trang trên địa bàn quản lý.

6. Các nhiệm vụ phải thực hiện khi di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Điều 9. Các đối tượng được hưởng chính sách theo điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP

1. Đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

2. Con của người đơn thân nghèo đang nuôi con quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

3. Người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

4. Hồ sơ đăng ký trước phần mộ cá nhân thực hiện theo điểm b, điểm c

khoản 5 Điều 14 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP, gồm: Đơn đề nghị, Căn cước công dân; giấy xác nhận của bệnh viện mắc bệnh hiểm nghèo (đối với người mắc bệnh hiểm nghèo); giấy chứng tử và giấy đăng ký kết hôn (đối với người có vợ hoặc chồng đã được an táng trong nghĩa trang).

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Quy định chung về quản lý, sử dụng nghĩa trang

1. Việc sử dụng đất trong nghĩa trang phải đúng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo vị trí khu mộ, hàng mộ và phần mộ. Việc sử dụng đất mai táng phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

2. Việc giao đất mai táng trong nghĩa trang phải thực hiện lần lượt trong khu mộ, hàng mộ theo quy hoạch, quy chế quản lý và dự án đầu tư được phê duyệt.

3. Chuyển nhượng phần mộ cá nhân:

a) Không cho phép chuyển nhượng phần mộ cá nhân đã đăng ký trước đối với các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều này dưới bất cứ hình thức nào.

b) Đối với nghĩa trang đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng cho phần mộ cá nhân thực hiện theo điểm d khoản 4 Điều 14 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Các nội dung quản lý nghĩa trang

1. Phổ biến, giám sát việc thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng nghĩa trang, các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về vệ sinh trong các hoạt động mai táng, cát táng cho người chết.

3. Bảo đảm về vệ sinh môi trường trong nghĩa trang.

4. Ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm, báo cáo UBND xã về các hành vi vi phạm để giải quyết kịp thời.

5. Quản lý sử dụng đất, xây dựng phần mộ, bia mộ và các công trình trong nghĩa trang tuân theo quy hoạch xây dựng, Quy chế quản lý nghĩa trang đã được phê duyệt.

Điều 12. Vệ sinh trong các hoạt động an táng và vệ sinh môi trường trong Nghĩa trang nhân dân

1. Các hộ gia đình khi tiến hành mai táng, cát táng phải lấy hết các vật liệu như: gỗ ván, quần áo lên khỏi hố táng, thu gom lại nơi quy định và san lấp trả lại mặt bằng khu vực phần mộ mới cất bốc.

2. Vệ sinh trong mai táng và vệ sinh trong xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang thực hiện theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.

3. Thực hiện công tác đảm bảo về môi trường trong mai táng theo quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tại Điều 55 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Điều 13. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang

1. Nội dung hồ sơ nghĩa trang:

a) Trong hồ sơ lưu trữ cần ghi đầy đủ khu mộ/hàng mộ/số mộ, sơ đồ vị trí các khu chức năng; trên mộ phải ghi số mộ. Số của các phần mộ trong nghĩa trang phải tương ứng với hồ sơ lưu.

b) Sổ theo dõi hoạt động táng.

c) Lưu trữ các thông tin cơ bản của người được táng: họ tên, quê quán, nguyên nhân chết, ngày chết, địa chỉ thân nhân để liên hệ và các giấy tờ liên quan.

2. Trưởng thôn (Ban quản lý nghĩa trang) có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang; cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong việc lập, lưu trữ, khai thác hồ sơ nghĩa trang.

Điều 14. Xác định vị trí các phần mộ trong nghĩa trang

1. Tất cả các phần mộ trong nghĩa trang đều phải được đánh số.

2. Việc xác định vị trí các phần mộ phải đảm bảo mục tiêu rõ ràng, thuận tiện cho người sử dụng và người quản lý.

3. Phương pháp xác định vị trí các phần mộ:

a) Vị trí của ngôi mộ trong nghĩa trang được tạo thành bởi: khu mộ - hàng mộ - số mộ;

b) Sử dụng các chữ cái A, B, C, ... hoặc tên riêng đặc trưng đặt tên cho các khu mộ;

c) Sử dụng các chữ cái A, B, C, ... để đánh số cho các hàng mộ trong khu mộ dọc theo các trục đường chính (Ví dụ: Hàng A1, A2, A3... trong Khu A);

d) Sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... để đánh số liên tiếp cho các mộ trong khu dọc theo các hàng (dự kiến cả số của những mộ chưa được xây dựng);

đ) Trong trường hợp các ngôi mộ hiện hữu không được xây theo dãy, hàng thì sử dụng các chữ cái A, B, C, ... hoặc tên riêng đặc trưng để phân khu và sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... đánh số liên tiếp các ngôi mộ trong khu.

Điều 15. Quyền lợi của người sử dụng Nghĩa trang nhân dân

1. Thăm viếng, chăm sóc mộ theo quy định của Quy chế quản lý nghĩa trang.
2. Hưởng các quyền lợi khác trong thỏa thuận với Trưởng thôn/Ban quản lý nghĩa trang phù hợp với quy định của Quy chế quản lý nghĩa trang.

Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng Nghĩa trang nhân dân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế quản lý Nghĩa trang nhân dân được phê duyệt.
2. Thực hiện các trách nhiệm về đóng góp kinh phí xây dựng Nghĩa trang nhân dân theo quy định (nếu có).
3. Tham gia, đóng góp ý kiến với cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến Nghĩa trang nhân dân.

Điều 17. Quy chế quản lý nghĩa trang

1. Các đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm lập quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do mình quản lý. Nội dung quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.
2. Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang:
 - a) Đối với nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp xã trên địa bàn do mình quản lý.
 - b) Đối với nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: thực hiện theo điểm b, khoản 3, Điều 17 Nghị định 23/2016/NĐ-CP.
3. Các nghĩa trang được xây dựng mới, quy chế quản lý nghĩa trang phải được lập và phê duyệt trước khi đưa nghĩa trang vào khai thác, sử dụng. Đối với các nghĩa trang hiện hữu nếu chưa có quy chế quản lý nghĩa trang thì phải tiến hành lập và trình phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 18. Kinh phí quản lý Nghĩa trang nhân dân

1. Kinh phí quản lý Nghĩa trang nhân dân được trích từ kinh phí vệ sinh môi trường của Nghĩa trang nhân dân do tập thể thôn bản bạc thống nhất đảm bảo theo quy chế dân chủ tại địa phương.
2. Khi có kế hoạch xây dựng, sửa chữa lớn, Trưởng thôn phải báo cáo xin chủ trương của Ban chi uỷ, chi bộ để bàn bạc, thống nhất với nhân dân việc đóng góp và báo cáo UBND xã để xem xét, giải quyết.
3. Các dịch vụ Nghĩa trang nhân dân do thôn quy định sau khi bàn bạc thống nhất với nhân dân trong thôn trên cơ sở lấy thu bù chi và báo cáo với Ủy ban nhân dân xã.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Xử lý những tồn tại trong việc quản lý Nghĩa trang nhân dân

1. Đối với khu hung táng:

Ủy ban nhân dân xã giao cho các thôn tổ chức sắp xếp các hàng mộ, phần mộ, khu mộ trong khu vực Nghĩa trang nhân dân đảm bảo với Quy chế và phù hợp thuần phong mỹ tục của địa phương.

2. Đối với khu cát táng:

Hàng năm, Trưởng thôn, Ban quản lý nghĩa trang rà soát diện tích khu đất cát táng đã được sử dụng và chưa sử dụng trong Nghĩa trang để quản lý. Đồng thời khi có nhu cầu xây mộ mới tại vị trí quy hoạch hoặc vị trí xen kẽ phải báo cáo UBND xã và được UBND xã đồng ý thì mới được tiến hành xây dựng.

Việc tu bổ các phần mộ trong khu cát táng chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý của Trưởng thôn (*Riêng các phần mộ xây mới thôn phải thực hiện xây, không giao cho các hộ tự xây*).

3. Đối với các phần mộ không nằm trong các Nghĩa trang nhân dân đã được xác định vị trí, ranh giới (nếu có):

a) UBND xã giao Trưởng các thôn, Ban quản trang rà soát, theo dõi các phần mộ không nằm trong các Nghĩa trang nhân dân đã được xác định vị trí, ranh giới để quản lý;

b) Đối với các phần mộ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cảnh quan, môi trường, khuyến khích thân nhân di chuyển phần mộ vào trong các Nghĩa trang nhân dân tập trung;

c) Đối với các mộ vô chủ hoặc không còn thân nhân chăm sóc, trường hợp xét thấy cần thiết thì đưa vào địa điểm do UBND xã quy định;

d) Đối với gò, đống cũ không được xây chiếm, xây dựng phải theo kích thước quy định (Diện tích không quá 02 m²; chiều cao không vượt quá với mộ liền kề).

Điều 20. Khen thưởng và xử lý các hành vi vi phạm

1. Cá nhân, tập thể có những đóng góp tiêu biểu vào việc quản lý, xây dựng Nghĩa trang nhân dân được UBND xã xem xét khen thưởng.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế, quy định của pháp luật tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan và Trưởng các thôn

1. *Phòng Kinh tế*: Là đơn vị chủ trì, tham mưu UBND xã thực hiện các nhiệm vụ:

1.1. Thực hiện công tác quản lý, xây dựng và sử dụng nghĩa trang quy mô cấp xã trên địa bàn.

1.2. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết quy hoạch nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cắm mốc sau khi quy hoạch được duyệt; thực hiện cắm mốc ngoài thực địa hoặc áp dụng công nghệ thông tin, quản lý và lưu trữ hồ sơ cắm mốc theo quy định. Tổng hợp, thực hiện thủ tục bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm đối với quy hoạch nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý, ngay sau khi quy hoạch được duyệt theo quy định.

1.3. Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý. Tổ chức thông báo cho nhân dân về việc đóng cửa, di chuyển nghĩa trang.

1.4. Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, quản lý nghĩa trang trên địa bàn.

1.5. Thực hiện các chế độ, chính sách xã hội đối với các đối tượng đặc biệt, đối tượng chính sách trong việc táng khi chết theo quy định.

1.6. Phổ biến, giám sát việc thực hiện những quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang; Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường trong các hoạt động táng; hỏa táng.

1.7. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm gửi Sở Xây dựng trước ngày 18 tháng 12 (thời gian chốt số liệu từ 15/12 năm trước đến 14/12 năm báo cáo) theo đúng quy định tại khoản 12 Điều 16 Quyết định số 252/2025/QĐ-UBND của UBND thành phố.

2. *Công an xã*: Phối hợp với Phòng chuyên môn trong việc đảm bảo an ninh trật tự liên quan đến công tác quản lý, sử dụng, xử lý vi phạm ở Nghĩa trang nhân dân.

3. *Phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công*: Thường xuyên tuyên truyền nội dung Quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn xã đến toàn thể nhân dân nắm được.

4. Trưởng các thôn, Ban quản lý nghĩa trang nhân dân tại thôn

4.1. Trình UBND xã thành lập Ban quản lý nghĩa trang nhân dân tại thôn. Chỉ đạo, phối hợp với Ban quản lý nghĩa trang nhân dân tại thôn xây dựng Dự thảo Quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn thôn trình UBND xã. Tổ chức quản lý Nghĩa trang nhân dân theo các quy định của nhà nước, Quy chế của Ủy ban nhân dân xã.

4.2. Cung cấp các dịch vụ nghĩa trang cho người sử dụng, bảo đảm chất lượng dịch vụ theo quy định.

4.3. Tham mưu cho các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thôn.

4.4. Thường xuyên chăm sóc, bảo quản phần mộ, tro cốt; báo ngay cho thân nhân của người chết và các cơ quan chức năng theo thẩm quyền giải quyết khi phát hiện ra những hiện tượng bất thường liên quan đến phần mộ, tro cốt như: mất trộm, xuống cấp, hư hỏng.

4.5. Kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến nghĩa trang và người sử dụng dịch vụ nghĩa trang; báo cáo cho các cơ quan chức năng các hành vi vi phạm nghiêm trọng để giải quyết kịp thời.

4.6. Chăm sóc, ươm trồng các vườn hoa, thảm cỏ, cây cảnh, cây xanh, làm sạch đẹp môi trường, cảnh quan trong nghĩa trang.

4.7. Kiểm tra và đề xuất việc tu bổ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

4.8. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang. Rà soát việc đánh số, xác định vị trí khu mộ, hàng mộ, ngôi mộ, ô tro cốt trong nghĩa trang, đưa ra phương án điều chỉnh thích hợp (nếu cần thiết). Lập các bảng chỉ dẫn, sơ đồ vị trí các khu chức năng, khu mộ, hàng mộ, phần mộ và vị trí các ô lưu trữ tro cốt phục vụ cho người thăm viếng.

4.9. Tiếp nhận việc đăng ký trước khi sử dụng phần mộ cá nhân trong nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

4.10. Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình quản lý sử dụng Nghĩa trang nhân dân về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Kinh tế) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để UBND xã tổng hợp báo cáo thành phố.

5. Đối với các hộ có phần mộ mai táng, cát táng trong nghĩa trang:

- Khi có nhu cầu nâng cấp, cải tạo phần mộ phải có đơn đề nghị và cam kết thực hiện đúng theo Quy chế về xây dựng, quản lý nghĩa trang, nghĩa địa gửi về Ban lý quản nghĩa trang/Trưởng thôn.

- Đối với phần mộ mai táng khi chôn cất, khi sang cát phải đóng lệ phí để Ban quản trang thu đốt và san lấp trả lại mặt bằng.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về UBND xã xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn của địa phương./.